TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG** Bản án số: 465/2026/DS-PT Ngày 17-11-2026 V/v: *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Trâm Anh

Các Thẩm phán: Ông Lê Quang Tấn

Ông Trương Ngọc Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Sơn Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 11 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 497/2026/TLST- DS ngày 09 tháng 10 năm 2026 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và đòi lại tài sản"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2026/DS-ST ngày 02 tháng 07 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 552/2026/QĐPT-DS ngày 19 tháng 10 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Hồng Đ**, sinh năm 1970; Địa chỉ: ấp N, xã M, tỉnh An Giang (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Hồng Đ: Ông Lương Thành T1, sinh năm 1964; Địa chỉ: số E, ấp Đ, xã H, tỉnh An Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Mai Thị L**, sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp N, xã M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Nhựt T2**, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp N, xã M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

- Người kháng cáo: nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:* Vào ngày 12/5/2025 bà Nguyễn Thị Hồng Đ có cho bà Mai Thị L, địa chỉ: ấp N, xã M, tỉnh An Giang

vay số tiền 130.000.000 đồng. Thời hạn vay là 02 tháng, lãi suất 2%/tháng, mục đích vay dùng để trả nợ ngân hàng và nuôi tôm.

Ngoài ra, bà Mai Thị L có nợ bà Nguyễn Thị Hồng Đ 01 khoản tiền. Do bà L không có tiền trả nên bà Đ đã thoả thuận với bà L là bà Đào T3 chơi 03 chân hụi và hốt để trừ hết cho bà L. Hai bên thoả thuận số tiền bà Đ phải đóng hụi chết là 6.000.000đồng/tháng/03 chân hụi, tổng số tiền bà Đ phải đóng đến mãn hụi cả 03 chân hụi là 120.000.000 đồng. Bà L cam kết mỗi tháng góp trả cho bà Đ 6.000.000 đồng (là số tiền bà Đ phải đóng hụi chết). Tính đến ngày khởi kiện bà Đ đã đóng được số tiền hụi là 36.000.000 đồng, bà L trả cho bà Đ được 6.000.000 đồng, còn nợ lại bà Đ số tiền 30.000.000 đồng.

Sau khi bà L nợ tiền bà Đ nhưng không có tiền trả nợ. Bà Đ có tiến hành đòi nợ thì bà L chỉ hứa hẹn chứ không chịu trả nợ cho bà Đ. Riêng ông Lê Nhựt T2 không có trực tiếp tham gia trực tiếp giao dịch vay tiền nêu trên giữa bà Đ và bà L. Tuy nhiên, bà L vay tiền của bà Đ về làm ăn trong gia đình nên bà Đ yêu cầu ông T2 phải có trách nhiệm trả nợ cho bà Đ. Nay bà Đ khởi kiện với yêu cầu như sau:

- Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị L và ông Lê Nhựt T2 phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền đã vay gốc là 130.000.000 đồng. Tiền lãi tính (từ ngày 12/5/2025 đến ngày 12/12/2025 là 07 tháng, với lãi suất là 1,66%/tháng) là 15.106.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 145.106.000 đồng.

- Đồng thời, yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mai Thị L và ông Lê Nhựt T2 phải liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền nợ bà Đ bỏ tiền đóng ra đóng hụi theo thoả thuận trên là 30.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 khoản nợ là 175.106.000 đồng. Ngoài ra bà Đ không yêu cầu gì thêm.

- *Bị đơn bà Mai Thị L trình bày:* Do chỗ quen biết nên bà Mai Thị L có vay tiền của bà Nguyễn Thị Hồng Đ nhiều lần, bà L không nhớ rõ ngày tháng năm vay. Đến ngày 12/5/2025 tổng kết nợ, bà Đ viết biên nhận nợ và bà L có xác nhận là bà L còn nợ bà Đ số tiền 130.000.000 đồng. Khi tổng kết nợ hai bên có thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả nợ. Các lần vay tiền bà L và bà Đ trực tiếp thực hiện thỏa thuận và giao tiền vay. Mục đích của bà Mai Thị L vay tiền của bà Nguyễn Thị Hồng Đ không sử dụng cho mục đích tiêu xài chung cho gia đình. Từ khi tổng kết nợ đến nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên bà L không có tiền trả nợ cho bà Đ.

Ngoài ra, bà Mai Thị L có nợ bà Nguyễn Thị Hồng Đ khoản tiền khác. Do bà L không có tiển trả nên, bà Đ đã thoả thuận với bà L là bà Đào T3 chơi 03 chân hụi và tự hốt để trừ hết nợ này cho bà L. Hai bên thoả thuận số tiền bà Đ phải đóng hụi chết là 6.000.000đồng/tháng/03 chân hụi, tổng số tiền bà Đ phải đóng đến mãn hụi là 120.000.000 đồng. Bà L cam kết mỗi tháng góp trả cho bà Đ 6.000.000 đồng (là số tiền bà Đ phải đóng hụi chết). Tính đến ngày khởi kiện bà Đ đã đóng được số tiền hụi là 36.000.000 đồng, bà L trả cho bà Đ được

6.000.000 đồng, còn nợ lại bà Đ số tiền 30.000.000 đồng.

Nay bà Đ yêu cầu bà L và ông Lê Nhựt T2 phải trả liên đới trả tiền vay là 130.000.000 đồng và tiền lãi tính (từ ngày 12/5/2025 đến ngày 12/12/2025 là 07 tháng với lãi suất là 1,66%/tháng) là 145.106.000 đồng, tiền bà Đ đã đóng hụi nêu trên 30.000.000 đồng thì bà L có ý kiến như sau:

- Bà L đồng ý trả cho bà Đ tiền gốc và lãi của các khoản khoản nợ trên tổng cộng là 175.106.000 đồng.

Đối với số tiền hụi còn lại do các dây hụi chưa mãn, khi mãn hụi bà L và bà Đ sẽ tính toán lại; nếu còn thiếu bao nhiêu thì bà L sẽ trả cho bà Đ, trường hợp có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

- Ông Lê Nhựt T2 trước đây là chồng bà Mai Thị L nhưng bà L và ông T2 đã ly thân nhau từ nhiều năm nay và đã có quyết định ly hôn của Tòa án nên việc bà Đ yêu cầu ông T2 liên đới trả nợ là không có cơ sở. Hơn nữa, khi vay tiền của bà Đ ông T2 không có nhận tiền, không biết, không ký nhận và bà L không dùng tiền vay của bà Đ cho mục đích chung của vợ chồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Nhựt T2 trình bày: Ông T2 không biết các giao dịch liên quan đến tiền bạc giữa bà L và bà Đ. Đồng thời, ông T2 không tham gia và không ký kết bất kỳ giấy tờ nào liên quan. Đến khi bà Nguyễn Thị Hồng Đ tiến hành đòi nợ bà L thì ông T2 mới biết. Tuy nhiên, do ông T2 và bà L đã ly thân nên ông T2 cũng không quan tâm đến. Theo Thông báo thụ lý vụ án số 26/TB-TLVA ngày 07/01/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – An Giang thì bà Nguyễn Thị Hồng Đ yêu cầu bà Mai Thị L và ông Lê Nhựt T2 liên đới trả số tiền tổng cộng là 175.106.000 đồng, đồng thời yêu cầu tính lãi. Ông T2 không đồng ý với yêu cầu buộc ông T2 phải trả khoản tiền nêu trên, vì khoản vay và nợ hụi phát sinh trong thời gian vợ chồng đã ly thân. Ông T2 không ký kết, thỏa thuận, không bảo lãnh và không hưởng lợi từ các khoản vay và hụi này. Đây là nghĩa vụ tài chính riêng của bà Mai Thị L, không phải nghĩa vụ chung của vợ chồng theo quy định pháp luật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm 101/2026/DS-ST ngày 02 tháng 07 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Buộc bà Mai Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ tổng số tiền là 175.106.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu một trăm linh sáu nghìn đồng), trong đó tiền vay cả gốc, lãi là 145.106.000 đồng và tiền nợ là 30.000.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 16 tháng 07 năm 2026, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ kháng cáo với nội dung: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ yêu cầu xem xét lại Bản án sơ thẩm theo hướng buộc vợ chồng bà Mai Thị L và ông Lê Nhựt T2 phải có trách nhiệm cùng nhau trả nợ cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu buộc bà Mai Thị L và ông Lê Nhựt T2 liên đới trả số tiền 175.106.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm: Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến trước khi tuyên án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2026/DS-ST ngày 02/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Đ được thực hiện trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ông Lê Nhựt T2 và bà Mai Thị L vắng mặt tại phiên tòa nên căn cứ vào khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vắng mặt.

[2] Về khoản nợ: Bà Mai Thị L thừa nhận đã nhiều lần vay tiền của bà Nguyễn Thị Hồng Đ; đến ngày 12/5/2025, hai bên tổng kết nợ, bà L ký xác nhận còn nợ số tiền 130.000.000 đồng, có thỏa thuận về thời hạn trả và lãi suất. Ngoài khoản vay trên, do bà L còn nợ tiền, hai bên thỏa thuận bà Đ tham gia 03 chân hụi, đóng tiền hụi chết để trừ nợ cho bà L; bà L có nghĩa vụ hoàn trả tiền đóng hụi 6.000.000 đồng mỗi tháng. Bà Đ đã đóng 36.000.000 đồng, bà L trả 6.000.000 đồng, còn nợ 30.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà L thừa nhận các khoản nợ và đồng ý trả 130.000.000 đồng tiền gốc, 15.106.000 đồng tiền lãi và 30.000.000 đồng tiền đóng hụi, tổng cộng 175.106.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà L trả cho bà Đ số tiền 175.106.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với sự thừa nhận của các đương sự và quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Đ yêu cầu ông Lê Nhựt T2 phải liên đới cùng bà Mai Thị L trả nợ, Hội đồng xét xử xét thấy: Các lần vay tiền đều do bà Đ và bà L trực tiếp thỏa thuận, giao nhận; giấy nhận nợ ngày 12/5/2025 chỉ có bà L ký xác nhận. Đối với khoản tiền đóng hụi, việc thỏa thuận và thực hiện nghĩa vụ cũng chỉ diễn ra giữa bà Đ và bà L. Ông T2 không tham gia xác lập, không ký nhận và không có thỏa thuận cùng chịu trách nhiệm trả các khoản nợ này. Bà L và ông T2 đều xác định đã ly thân từ nhiều năm trước thời điểm tổng kết nợ; ông T2 không biết và không tham gia các giao dịch nêu trên. Xét tính chất và quá trình xác lập các nghĩa vụ trong vụ án, không có căn cứ xác định đây là nghĩa vụ do vợ chồng cùng thỏa thuận hoặc cùng xác lập theo Điều 27 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu buộc ông T2 liên đới trả nợ là phù hợp.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang; không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Hồng Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2026/DS-ST ngày 02/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định pháp luật. Án phí dân sự sơ thẩm được giữ nguyên theo quyết định của bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điều 27, 37, 45 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 101/2026/DS-ST ngày 02/7/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 4 - An Giang.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Hồng Đ.

- Buộc bà Mai Thị L phải trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ tổng số tiền 175.106.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu một trăm linh sáu nghìn đồng), trong đó tiền vay gốc là 130.000.000 đồng, tiền lãi là 15.106.000 đồng và tiền nợ theo thỏa thuận đóng hụi là 30.000.000 đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng Đ về việc buộc ông Lê Nhựt T2 liên đới cùng bà Mai Thị L trả số tiền 175.106.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Mai Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.755.300 đồng (Tám triệu bảy trăm năm mươi lăm nghìn ba trăm đồng).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.378.000 đồng (Bốn triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng) theo biên lai số 00012582 ngày 23/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0001619 kí hiệu BLTU/26E ngày 28/7/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh A (đã thực hiện xong).

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND khu vực 4 - An Giang;
- Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Trâm Anh